TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2022/QĐST-DS	*Thủ Dầu Một, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Văn Quyết- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 21/2021/TLST–V.HNGĐ về việc "hủy hợp đồng ủy quyền" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2022/QĐST-VDS ngày 05 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Vương Minh C - Chấp hành viên- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự*:

+ Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1983; địa chỉ: số 135, đường H, tổ 73, khu 11, phường P, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thụy Diễm T, sinh năm: 1983; địa chỉ: số 1320, đường C, phường P, thành phố T, tỉnh B; Vắng mặt.

+ Ông Phạm Đình H, sinh năm: 1988; địa chỉ: số 13/51, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Văn phòng Công chứng T; địa chỉ: 538 Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Quyết định thi hành án số 371/QĐ-CCTHADS ngày 19/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trên cơ sở Bản án số 63/2019/DS-ST ngày 27/8/2019 và Trích lục số 101/2019/TLA-DS ngày 06/10/2019 của Tòa án nhân dân Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung Quyết định thi hành án nêu trên thì ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1983, địa chỉ: số 135, đường H, tổ 73, khu 11, phường P, thành phố T, tỉnh B có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Quốc B số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* và lãi suất

chậm thi hành án. Quá trình thi hành án đến nay, ông Nguyễn Ngọc L vẫn chưa thi hành các khoản nêu trên. Quá trình xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bình Dương được biết, ông Nguyễn Ngọc L có đứng tên đăng ký chiếc xe ôtô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON GLX, biển số 61C-293.97, số khung MMBJNKK30HH035442, số máy 4D56UAM0350 theo phiếu trả lời xác minh ngày 15/5/2020. Ngoài tài sản nêu trên, Chấp hành viên chưa phát hiện ông Nguyễn Ngọc L còn tài sản nào khác. Đồng thời qua xác minh tại Văn phòng Công chứng T được biết vào ngày 02/10/2019, ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T (vợ của ông L) có đến Văn phòng Công chứng T để ký hợp đồng mua bán xe cho ông Phạm Đình H (hình thức mua bán là ký hợp đồng ủy quyền) đối với chiếc xe ôtô tải biển số 61C-293.97 nêu trên theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019. Với kết quả xác minh thể hiện mặc dù vào ngày 02/10/2019, ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T đã ký ủy quyền cho ông Phạm Đình H được toàn quyền quyết định đối với chiếc xe ôtô tải biển số 61C-293.97 nêu trên nhưng đến thời điểm ngày 15/5/2020 (là ngày Phòng Cảnh sát giao thông cung cấp thông tin) chiếc xe ôtô tải nêu trên vẫn còn đứng tên đăng ký của ông Nguyễn Ngọc L và do ông Nguyễn Ngọc Lo không tự nguyện thi hành án nên ngày 18/8/2020, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 53/QĐ-CCTHADS về việc kê biên chiếc xe ôtô tải nêu trên và đã tống đạt theo quy định.

Tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 có quy định như sau:

"... Trường hợp có giao dịch về tài sản mà người phải thi hành án không sử dụng toàn bộ khoản tiền thu được từ giao dịch đó để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc có tài sản khác nhưng không đủ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án thì xử lý như sau:

a) Trường hợp có giao dịch về tài sản nhưng chưa hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản theo quy định. Khi kê biên tài sản, nếu có tranh chấp thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự, trường hợp cần tuyên bố giao dịch vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.".

Tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự có quy định như sau:

"Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó".

Ngày 06/8/2021, Chấp hành viên có ban hành thông báo số 2382/TB-THADS về việc quy định thời hạn 15 ngày cho ông Lê Quốc B (là người được thi hành án) có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch nêu trên vô hiệu. Tuy nhiên hết thời hạn theo quy định nhưng ông Lê Quốc B vẫn không yêu cầu.

Nay yêu cầu Tòa án Tuyên bố hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T với ông Phạm Đình H đối với tài sản xe ôtô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON GLX, biển số 61C-293.97, số khung MMBJNKK30HH035442, số máy 4D56UAM0350 vô hiệu.

Những người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự gồm: Ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thụy Diễm T, ông Phạm Đình H và Văn phòng Công chứng T; Vắng mặt nhưng không có văn bản trình bày yêu cầu đối với yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và Kiểm sát viên tại phiên họp.

[1] Yêu cầu của ông Vương Minh C - Chấp hành viên- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 74 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Xét đơn yêu cầu ông Vương Minh C - Chấp hành viên- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một về việc Tuyên bố hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T với ông Phạm Đình H đối với tài sản xe ôtô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON GLX, biển số 61C-293.97, số khung MMBJNKK30HH035442, số máy 4D56UAM0350 vô hiệu.

Xét thấy: Ông Nguyễn Ngọc L đã ký hợp đồng uỷ quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T cho ông Phạm Đình H toàn quyền quyết định đối với chiếc xe ôtô tải nêu trên vào ngày 02/10/2019 đối với xe ôtô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON GLX, biển số 61C-293.97, số khung MMBJNKK30HH035442, số máy 4D56UAM0350 trước thời điểm bản án số 63/2019/DS-ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật. Những người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự gồm: Vắng mặt nhưng không có văn bản trình bày yêu cầu đối với yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T.

Ông Vương Minh C - Chấp hành viên- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T với ông Phạm Đình H là vô hiệu nhưng không có chứng cứ chứng minh kèm theo cho yêu cầu theo quy định tại Điều 398 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu là phù hợp.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Người yêu cầu không phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 29, điểm n khoản 2 Điều 39, các Điều 366, 367, 369, 370, 371, 372, 398, 399 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 74 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu của Ông Vương Minh C - Chấp hành viên-Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một Về việc tuyên bố hợp đồng ủy quyền số công chứng 4417, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/10/2019 của Văn phòng Công chứng T giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thụy Diễm T với ông Phạm Đình H đối với tài sản xe ôtô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON GLX, biển số 61C-293.97, số khung MMBJNKK30HH035442, số máy 4D56UAM0350 vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu không phải nộp.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thanh Phong